

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 7 năm 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hữu
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Công Tâm
Ông Phạm Công Lương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/QĐXXST-HNGĐ ngày 18.7.2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đ V N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 8X đường P, phường N, quận C, TP. N. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà T T T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 8X đường P, phường N, quận C, TP. N. Địa chỉ liên lạc: 2X A, phường T, thành phố Đ, Thành phố M. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Đ V N trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 14 tháng 7 năm 2003, ông đăng ký kết hôn với bà T T T tại UBND phường N, quận C, thành phố N.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 8X P, phường N, quận C, TP. N. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T vay nợ nhiều người, không có khả năng chi trả. Kinh tế gia đình khó khăn, bản thân ông bị bệnh mất ngủ

và bệnh khác khiến ông kiệt quệ, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Đ V N xác định giữa ông với bà T T T có 01 con chung tên là Đ P Q, sinh ngày 16/5/2006. Do con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ V N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải. Tại bản tự khai ngày 10.6.2024, bà T T T trình bày thống nhất với Ông N về thời gian đăng ký kết hôn, xác nhận về con chung cũng như tài sản chung, nợ chung; bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà gây ra nên bà đồng ý đề nghị tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ V N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đ V N với bà T T T.

- Về con chung: Ông Đ V N và bà T T T có 01 con chung tên là Đ P Q, sinh ngày 16/5/2006. Do con chung đã đủ 18 tuổi các bên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ V N và bà T T T xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của ông Đ V N đối với bà T T T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông N, bà T thống nhất thỏa thuận lựa chọn tòa án nơi ông Đ V N cư trú giải quyết nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Đ V N và bà T T T đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận C, thành phố N, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ V N thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ V N, bà T T T đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T, hiện nay cả hai đã ly thân, bà T đồng ý ly hôn với Ông N. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Ông N với bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc thuận tình ly hôn giữa ông Đ V N và bà T T T là chính đáng, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Ông Đ V N, bà T T T có 01 con chung tên là Đ P Q, sinh ngày 16/5/2006. Do con chung đã đủ 18 tuổi các bên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông Đ V N, bà T T T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Đ V N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên toà phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ V N về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bà T T T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đ V N và bà T T T.

2. Về quan hệ con chung:

Ông Đ V N, bà T T T có 01 con chung tên là Đ P Q, sinh ngày 16/5/2006. Do con chung đã đủ 18 tuổi các bên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:

Ông Đ V N, bà T T T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Đ V N phải chịu, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000308 ngày 20.5.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Phước Ninh;
- (Số đăng ký 52, ngày 14.7.2003);
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu